

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-LĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2026/DS-ST

Ngày: 04/6/2026

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-LĐ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lê Phong

2. Bà Trần Thị Thanh Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái H, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10-LĐ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-LĐ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Y, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10-LĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2025/TLST-DS ngày 05/11/2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-DS ngày 08/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2026/QĐST-DS ngày 05/5/2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Thành T, sinh năm 1959. ĐT: 0918533785.

Địa chỉ: Khu phố Phú Điền, phường BT, tỉnh LĐ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989. ĐT: 0949472906.

Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1992. ĐT: 0969770143.

Địa chỉ: Khu phố Xuân Điền, phường BT, tỉnh LĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Xuân H, sinh năm 1979. ĐT: 0848533785.

Địa chỉ: Khu phố Phú Điền, phường BT, tỉnh LĐ.

Nguyên đơn ông Lương Thành T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Xuân H có mặt tại phiên tòa; bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn ông Lương Thành T trình bày:

Vào ngày 22/12/2023, vợ chồng Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị H có mượn của vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); Thời hạn vay: 05 tháng. Mục đích vay: để mua phân bón và cHy điện

thanh long. Đến nay đã quá thời hạn vay, vợ chồng ông T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị H thanh toán số tiền nợ, nhưng vợ chồng Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị H không thanh toán nợ vay.

Ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả cho vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H một lần với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/3/2026 và tại phiên tòa, ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả cho vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H một lần với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã đảm bảo cho việc ra quyết định đúng pháp luật; về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả cho vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lương Thành T khởi kiện bị đơn vợ chồng Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H có địa chỉ Khu phố Xuân Điền, phường BT, tỉnh LD, yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả cho vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H một lần với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) nên đây là quan hệ pháp luật dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10-LD theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, mà bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên ông Lương Thành T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Giấy mượn tiền ngày 04/11/2023 thể hiện: Vợ chồng Nguyễn Văn C và bà Đặng

Thị H có mượn của vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H với số tiền: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); Thời Hn vay: 05 tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn ông Lương Thành T cung cấp nhưng bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị H đều không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn ông Lương Thành T cung cấp cũng như yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Thành T là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả cho vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) .

[4] Về lãi suất: Ông Lương Thành T không yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Thành T được chấp nhận nên vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Lương Thành T được miễn nộp tiền án phí theo Thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 8/2026/TB-TA ngày 01/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10-LĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 469 Bộ Luật dân sự năm 2015;

-Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

2. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Thành T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả nợ cho vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H trả cho vợ chồng ông Lương Thành T, bà Đặng Thị Xuân H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu

không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí*: Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Lương Thành T được miễn nộp tiền án phí theo Thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí số /2026/TB-TA ngày 01/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10-LĐ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 10-LĐ;
- TAND tỉnh LĐ
- Phòng THA dân sự Khu vực 10-LĐ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Hòa

Nguyễn Thị Viết Sáu

Nguyễn Văn C

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.PT;
- TAND tỉnh BT
- Chi cục THADS Tp.PT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Cổng TTĐT TAND tối cao*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

Nguyễn Văn C

Trừ 100 triệu của 4 lần chuyển:
-22/9/2022 Thảo chuyển Linh 20 triệu
-24/10/22: 40 triệu.
-Ngày 08/2/23: 20 triệu.
-ngày 24/02/2023: 20 triệu.

